

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ THANH HÀ

**PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN,
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2021

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Thảo**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
7. Bố cục của luận văn.....	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	5
1.1. Khái quát về quản lý thuế thu nhập cá nhân và quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	5
1.1.1. Khái quát về quản lý thuế thu nhập cá nhân.....	5
1.1.2. Khái quát về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	5
1.2. Khái quát pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	6
1.2.1. Khái niệm pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	6
1.2.2. Đặc điểm pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	7
1.2.3. Nội dung của pháp luật về quản lý hoàn Thuế thu nhập cá nhân.....	7
1.3. Các yếu tố chi phối đến pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	7
1.3.1. Các yếu tố từ cơ quan quản lý Nhà nước.....	7
1.3.2. Yếu tố từ người nộp thuế.....	7
Kết luận Chương 1.....	8
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	8
2.1. Thực trạng pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	8
2.1.1. Thực trạng pháp luật về xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân....	8
2.1.2. Thực trạng pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế.....	9
2.1.3. Thực trạng pháp luật về trách nhiệm thực hiện quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân của CQT.....	11
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	12
2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế.....	12
2.2.2. vướng mắc trong thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế.....	13
Kết luận Chương 2.....	14
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	15
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân.....	15

3.1.1. Việc hoàn thiện pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân cần đặt trong tiến trình cải cách hệ thống thuế quốc gia	15
3.1.2. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân phải bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong nước và hội nhập quốc tế.....	15
3.1.3. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân phải là công cụ hữu hiệu trong việc đảm bảo thực thi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách nhà nước.....	15
3.1.4. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân phải đảm bảo công bằng xã hội	15
3.1.5. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân đảm bảo dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát.....	15
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân	16
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân	16
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế.....	18
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm thực hiện quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân của CQT	20
3.2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật	21
Kết luận Chương 3	25
PHẦN KẾT LUẬN.....	26
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong các sắc thuế hiện hành ở nước ta, thuế TNCN là loại thuế trực thu phổ biến và cơ bản trong nền kinh tế thị trường, thể hiện rõ nghĩa vụ của công dân đối với đất nước, có vai trò rất quan trọng trong việc điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, thực hiện công bằng xã hội, đồng thời đóng góp đáng kể cho nguồn thu ngân sách, giúp Nhà nước ngày càng thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội của mình.

Trong đời sống kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, nếu thuế được xem là một “quyền và nghĩa vụ bất khả tránh” thì việc hoàn thuế cũng có thể xem là một hiện tượng có tính tất yếu khách quan trong quá trình quản lý thuế nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước cũng như của người được hoàn thuế.

Chính sách hoàn thuế TNCN không chỉ gắn với những thay đổi của chính sách thuế mà còn gắn với môi trường chính trị, kinh tế, xã hội mà Luật thuế triển khai thực hiện, ảnh hưởng sâu rộng đến một lượng lớn NNT. Do đó, đây là một trong chính sách thuế chính có nội dung phức tạp, đồng thời công tác quản lý thuế TNCN nói chung, quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng được coi là vấn đề thời sự ở mọi quốc gia, đặt ra yêu cầu xây dựng một chế định hoàn thuế hiệu quả, công bằng, minh bạch và hiệu lực điều chỉnh cao trên thực tế.

Qua thời gian thực hiện triển khai, sửa đổi, bổ sung, thay thế luật, công tác quản lý hoàn thuế TNCN ngày càng được hoàn thiện, bước đầu đã đạt những kết quả nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được, qua quá trình thực hiện, hiện nay, công tác quản lý hoàn thuế TNCN còn tồn tại một số hạn chế, bất cập nhất định, đồng thời cấp thiết cần được quan tâm, nghiên cứu để hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, cải cách hơn nữa, phù hợp với tình hình thực tế của đất nước, chiến lược phát triển kinh tế từng thời kỳ. Vì vậy, trên cơ sở đánh giá toàn diện, khách quan về thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, từ đó đưa ra định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN ở Việt Nam nói chung, tại tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, tôi chọn đề tài “*Pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân, qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế.*”

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong tiến trình xây dựng, sửa đổi pháp luật quản lý thuế, pháp luật thuế TNCN nói chung, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng, các vấn đề liên quan đã được nghiên cứu, luận giải dưới nhiều góc độ, khía cạnh với mức độ sâu sắc khác nhau. Một số tài liệu, công trình liên có thể kể đến:

- Giáo trình quản lý thuế, TS Nguyễn Thị Bất – TS Vũ Huy Hào (2002), nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội;
- Giáo trình quản lý thuế”, Học viện tài chính, 2016;

- Luận án tiến sĩ “Quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế” năm 2010 của tác giả Lý Phương Duyên;

- Luận án tiến sĩ luật học “Pháp luật quản lý thuế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn” năm 2012 của tác giả Vũ Văn Cương;

- Luận án tiến sĩ kinh tế “Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thuế thu nhập cá nhân”, năm 2013 của tác giả Nguyễn Hoàng;

- Luận án tiến sĩ luật học “Hoàn thiện pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay”, năm 2018 của tác giả Nguyễn Thị Mai Dung;

- Luận văn thạc sĩ ngành kinh tế chính trị “Thuế thu nhập cá nhân: Kinh nghiệm quốc tế và việc thực thi ở Việt Nam”, năm 2008 của tác giả Phạm Thị Phương Mai.

- Luận văn thạc sĩ kinh tế “Quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay”, năm 2014, của tác giả Văn Thanh Hiền;

- Luận văn thạc sĩ kinh tế “Hoàn thiện quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”, năm 2014, của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Lan;

Như vậy, có thể thấy lượng tài liệu, công trình nghiên cứu chuyên sâu về quản lý hoàn thuế TNCN còn tương đối hạn chế. Cùng với sự sửa đổi, bổ sung mới của pháp luật để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và xu hướng cải cách thuế hiện đại của Việt Nam; Đồng thời, thực trạng hoạt động quản lý hoàn thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chưa được đào sâu nghiên cứu; với việc kế thừa các khái niệm thuế TNCN, quản lý thuế, hoàn thuế, luận văn tiếp tục tập trung nghiên cứu, giải mã, mở rộng cơ sở lý luận, gắn với liên hệ thực tế, đáp ứng yêu cầu mang tính cập nhật cả về lý luận lẫn thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nhằm mục đích đề xuất định hướng, đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài sẽ tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Thứ nhất, nghiên cứu, hệ thống hóa một số cơ sở lý luận về quản lý hoàn thuế TNCN;

- Thứ hai, nghiên cứu thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN thông qua việc tổng hợp, hệ thống các quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế, chỉ ra được những ưu điểm và bất cập trong các quy định pháp luật, đồng thời xác định được những khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn cần nghiên cứu khắc phục;

- Thứ ba, đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận, một số các quan điểm, chủ trương, chính sách Đảng và pháp luật Nhà nước; các quy định pháp luật tại các văn bản quy phạm pháp luật như luật Quản lý thuế, luật thuế TNCN, cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN, các báo cáo, bài viết chuyên ngành.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, luận văn chủ yếu nghiên cứu những khía cạnh pháp lý từ những vấn đề lý luận đến thực trạng pháp luật tại Việt Nam, thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về thời gian, luận văn tập trung nghiên cứu pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN từ năm 2018 đến năm 2020.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu:

Luận văn vận dụng cách tiếp cận theo phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước trong quá trình đổi mới kinh tế. Cơ sở phương pháp luận này được sử dụng xuyên suốt để giải quyết các vấn đề nghiên cứu trên quan điểm phát triển và toàn diện.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã nêu trên, luận văn sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu bao gồm: Phương pháp phân tích, Phương pháp thống kê, Phương pháp so sánh, Phương pháp nghiên cứu tài liệu, Phương pháp tổng hợp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn luận văn

Từ việc kế thừa thành quả nghiên cứu của các công trình khoa học và phân tích các quy định pháp luật liên quan, luận văn đã luận giải các vấn đề lý luận và pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN, từ đó góp phần hệ thống tương đối toàn diện các vấn đề này, góp phần tạo nền tảng, cơ sở cho công tác nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học pháp lý, làm tiền đề để phát triển, hoàn thiện hơn nữa pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN.

Cùng với đó, luận văn đã phân tích tình hình thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bằng các số liệu, báo cáo tổng kết, từ đó xét luận những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại, đưa ra định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN.

7. Bộ cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có bộ cục gồm 3 chương với kết luận cho từng chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ
PHÁP LUẬT QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1.1. Khái quát về quản lý thuế thu nhập cá nhân và quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

1.1.1. Khái quát về quản lý thuế thu nhập cá nhân

1.1.1.1. Khái niệm quản lý

Từ hai khái niệm dưới hai góc độ ngôn ngữ học và khoa học pháp lý, có thể khái quát: quản lý là một yêu cầu chung cho mọi hoạt động của các tổ chức, đặc biệt là đối với các hoạt động của một tổ chức tối cao như Nhà nước thì sự quản lý càng trở nên cần thiết và quan trọng, trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực thuế.

1.1.1.2. Khái niệm quản lý thuế

Từ hai cách hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp, có thể đưa ra khái niệm quản lý thuế như sau: “Quản lý thuế là quá trình tác động của cơ quan quản lý thuế từ trung ương tới địa phương đến NNT nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật thuế, phát huy vai trò của thuế”.

1.1.1.3. Khái niệm quản lý thuế thu nhập cá nhân

Có thể hiểu “Thuế thu nhập cá nhân là thuế trực thu đánh vào thu nhập thực nhận của các cá nhân trong một kỳ tính thuế hoặc từng lần, không phân biệt nguồn gốc phát sinh thu nhập”.

Thuế TNCN có những đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, thuế TNCN là thuế trực thu đánh vào thu nhập của NNT, khó quản lý và có độ nhạy cảm cao.

Thứ hai, thuế TNCN có diện đánh thuế rất rộng.

Thứ ba, thuế TNCN là một loại thuế khó quản lý và mang đặc điểm trung lập đối với cơ cấu kinh tế.

Thứ tư, thuế TNCN luôn gắn với chính sách xã hội của mỗi quốc gia, đồng thời thực hiện vai trò điều tiết thu nhập của mỗi người dân và đảm bảo công bằng xã hội.

Thứ năm, thuế TNCN thường được tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần.

Từ những tiếp cận về thuế TNCN, dễ dàng nắm và hiểu rõ hơn về quản lý thuế TNCN. Khái niệm về quản lý thuế TNCN cũng không nằm ngoài khái niệm chung về quản lý thuế. Có thể đưa ra khái niệm quản lý thuế TNCN như sau: “Quản lý thuế TNCN là quá trình tác động của cơ quan quản lý thuế từ trung ương tới địa phương đến người nộp thuế thu nhập cá nhân nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật thuế thu nhập cá nhân, phát huy vai trò của thuế thu nhập cá nhân”.

1.1.2. Khái quát về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

1.1.2.1. Khái niệm quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Từ góc độ luật học, hoàn thuế có các đặc trưng cơ bản sau:

Một là, hoàn thuế là hành vi pháp lý của Nhà nước.

Hai là, hoàn thuế là một “bổn phận” hay “nghĩa vụ” đương nhiên của Nhà nước phải làm đối với chủ thể được quyền nhận lại số tiền thuế do Nhà nước hoàn trả.

Ba là, hoàn thuế là một quan hệ pháp luật có tính chất dân sự.

Bốn là, hoàn thuế có bản chất là quan hệ tài sản phát sinh giữa Nhà nước với tổ chức, cá nhân.

Có thể đưa ra khái niệm về hoàn thuế như sau: “Hoàn thuế là một hành vi pháp lý của Nhà nước, theo đó Nhà nước (thông qua các cơ quan quản lý thuế) ra quyết định trả lại cho người được hoàn thuế số tiền thuế mà họ đã nộp thừa hoặc số tiền thuế mà Nhà nước đã thu nhưng không có căn cứ pháp luật.”

Từ những tiếp cận về thuế TNCN, về hoàn thuế, về quản lý thuế, có thể đưa ra khái niệm về quản lý hoàn thuế TNCN như sau: Quản lý hoàn thuế TNCN là quá trình tác động của cơ quan quản lý thuế đến người nộp thuế thực hiện trả lại cho người được hoàn thuế số tiền thuế TNCN mà họ đã nộp thừa.

1.1.2.2. Đặc điểm quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Quản lý hoàn thuế TNCN có những đặc điểm cơ bản sau:

- Thứ nhất, quản lý hoàn thuế TNCN là hoạt động rất nhạy cảm, tác động đến số lượng lớn đối tượng nộp thuế.

- Thứ hai, đối tượng chịu sự quản lý hoàn thuế TNCN bao gồm chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế và chủ thể khác.

- Thứ ba, quản lý hoàn thuế TNCN nhằm bảo đảm sự công bằng, bình đẳng giữa các chủ thể nộp thuế TNCN; Tăng cường sự tuân thủ thuế TNCN của NNT, tối thiểu hoá chi phí quản lý thuế TNCN của Nhà nước và chi phí tuân thủ của NNT; Tập trung huy động đầy đủ và kịp thời các khoản thu cho NSNN từ thuế TNCN.

1.1.2.3. Vai trò quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

a. Đối với nền kinh tế - xã hội

Thứ nhất, thuế TNCN góp phần tăng tỉ lệ tiết kiệm quốc gia.

Thứ hai, thuế TNCN làm cho mỗi người dân có ý thức hơn về nghĩa vụ và quyền của mình đối với Nhà nước.

Thứ ba, thuế TNCN là công cụ phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội theo cả chiều dọc và chiều ngang.

Thứ tư, thuế TNCN góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

b. Đối với hệ thống thuế

Thứ nhất, quản lý tốt thuế TNCN góp phần quản lý tốt thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thứ hai, thuế TNCN góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế.

1.2. Khái quát pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

1.2.1. Khái niệm pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Có thể đưa ra khái niệm pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN như sau: “Pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN là một bộ phận của hệ thống pháp luật thuế, bao

gồm tất cả các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức hoàn thuế giữa Nhà nước với NNT”.

1.2.2. Đặc điểm pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

Đặc điểm của pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN được thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Thứ nhất, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN là một công cụ hữu hiệu và quan trọng trong việc quản lý các hoạt động xác định số thuế TNCN được hoàn.

- Thứ hai, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của NNT; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế.

- Thứ ba, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN có vai trò to lớn trong việc nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý hoàn thuế TNCN.

1.2.3. Nội dung của pháp luật về quản lý hoàn Thuế thu nhập cá nhân

Nghiên cứu về nội dung pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, có thể tiếp cận qua ba nhóm quy định sau: quy định pháp luật về xác định nghĩa vụ thuế TNCN, quy định pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn thuế TNCN của NNT, quy định pháp luật về trách nhiệm thực hiện quản lý hoàn thuế TNCN của CQT.

1.3. Các yếu tố chi phối đến pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

1.3.1. Các yếu tố từ cơ quan quản lý Nhà nước

1.3.1.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước

Các văn bản pháp quy về thuế là cơ sở pháp lý để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế. Hệ thống văn bản đầy đủ, hoàn chỉnh, dễ hiểu mới có thể tăng thêm tính khả thi. Mặt khác, không chỉ có Luật thuế TNCN mà hệ thống văn bản pháp luật về thuế nói chung của Nhà nước cũng tác động tới pháp luật quản lý thuế TNCN. Khi hệ thống văn bản hoàn chỉnh, dễ thực hiện sẽ tăng thêm tính khả thi của hệ thống thuế.

1.3.1.2. Sự phối hợp chức năng trong quản lý

Sự phối hợp giữa các bộ phận chức năng có ảnh hưởng rõ rệt tới nâng cao chất lượng công tác quản lý hoàn thuế, giúp nhận diện rủi ro tốt hơn, giảm bớt rủi ro sai phạm trong hoàn thuế TNCN và nguy cơ thất thu NSNN. Đồng thời, cần sự phối hợp đồng bộ giữa CQT với các ngành chức năng có liên quan này, hỗ trợ công tác hoàn thuế TNCN đảm bảo chính xác, kịp thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý.

1.3.2. Yếu tố từ người nộp thuế

Khi người dân có ý thức chấp hành pháp luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế. Hành vi trốn thuế vì vậy sẽ ít khi xảy ra, công tác quản lý thu thuế, hoàn thuế, thanh kiểm tra thuế sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn.

Kết luận Chương 1

Vậy, luận văn đã đưa ra nhiều quan điểm nghiên cứu lĩnh hội từ các công trình khoa học đã có, từ đó luận giải, phân tích, đưa ra những cơ sở lý luận liên quan đến pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, vai trò về quản lý, quản lý thuế, thuế TNCN, quản lý thuế TNCN, hoàn thuế, quản lý hoàn thuế TNCN, qua đó có được cái nhìn tổng quan, khoa học, nắm và hiểu bản chất các vấn đề liên quan này.

Qua Chương 1, luận văn cũng đã làm rõ nội dung pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, đưa ra hướng nghiên cứu đề tài, đó là nghiên cứu qua ba nhóm quy định pháp luật, để phân tích vừa toàn diện vừa cụ thể từng nội dung liên quan, làm tiền đề, cơ sở cho nội dung về thực trạng pháp luật và định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN ở Việt Nam trong các chương sau.

Bên cạnh đó, Luận văn đã đưa ra một số yếu tố chi phối, ảnh hưởng đến hoàn thiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, giúp việc nghiên cứu được sâu sát, bao quát hơn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

2.1. Thực trạng pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

2.1.1. Thực trạng pháp luật về xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân

Để hoàn thiện pháp luật quản lý thuế hoàn TNCN, trước tiên, chính sách thuế TNCN cần hoàn thiện song song với pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN.

2.1.1.1. Đối tượng nộp thuế

Đến nay, quy định về đối tượng nộp thuế đã tương đối hoàn thiện, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, đảm bảo tính thực thi trên thực tế, được áp dụng rộng rãi, thống nhất, đồng bộ.

2.1.1.2. Thu nhập chịu thuế

Xác định đúng đắn thu nhập chịu thuế là cơ sở để tính đúng thu nhập tính thuế, từ đó xác định đúng số tiền thuế thu nhập phải nộp, được hoàn. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế trừ các khoản đóng góp bảo hiểm, từ thiện, nhân đạo, các khoản giảm trừ theo luật định.

Muốn xác định thu nhập chịu thuế chính xác, cần phải lưu ý xác định đúng một số vấn đề sau: Nguồn gốc của thu nhập; Nơi phát sinh thu nhập.

2.1.1.3. Kỳ tính thuế

Xác định đúng đắn thời điểm để tính thuế thu nhập là vấn đề vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng và thực thi luật thuế.

Trên thực tế phát sinh tại tỉnh Thừa Thiên Huế, trong quá trình thực hiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, một trong những lỗi thường gặp ở NNT

là không xác định thu nhập chịu thuế trong đúng kỳ tính thuế yêu cầu hoàn. Hiện nay, cùng với đội ngũ công chức được bổ sung mới định kỳ, được đào tạo chuyên môn, bài bản và hệ thống dữ liệu thông tin điện tử cập nhật nhanh chóng, khoa học, hồ sơ hoàn thuế TNCN được rà soát, kiểm tra kỹ càng, chóng vánh, tổng thu nhập chịu thuế từ một hay nhiều nơi trong một hay nhiều kỳ tính thuế của cá nhân được tra cứu, kiểm soát thuận tiện thông qua việc nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập từ khắp nơi trong cả nước.

2.1.1.4. Khấu trừ thuế

Thuế TNCN có thể được thu theo phương pháp khấu trừ tại nguồn hoặc phương pháp thu trực tiếp. Trên thực tế, các nước có nền kinh tế phát triển áp dụng phương pháp khấu trừ tại nguồn; Đây cũng là phương pháp đang được sử dụng tại Việt Nam.

Phương pháp quản lý thu thuế theo cách khấu trừ tại nguồn đã giúp giảm bớt được số lượng cá nhân đăng ký nộp thuế tại CQT, hỗ trợ việc nhận hồ sơ khai thuế của NNT thông qua tổ chức chi trả thu nhập được thống nhất và chính xác hơn, nhờ đó công tác quản lý thuế được thuận lợi hơn.

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay, các tổ chức chi trả thu nhập đã chủ động, tự giác tự kê khai, khấu trừ thuế TNCN người lao động từng tháng, từng quý, thực hiện quyết toán thuế TNCN theo đúng quy định. Tuy nhiên, cùng với quy định pháp luật hiện hành, lại đang tạo ra một số bất cập nhất định, cần được khắc phục.

2.1.1.5. Các khoản giảm trừ

Những nội dung trọng tâm trên được quy định thống nhất, rõ ràng trong pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính thực thi. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số bất cập về giấy tờ, tài liệu kèm theo khi kê khai giảm trừ gia cảnh; thời hạn nộp hồ sơ kê khai giảm trừ gia cảnh ngắn; đề xuất áp dụng phân nhỏ nhiều mức giảm trừ gia cảnh áp dụng cho mỗi đối tượng khác nhau.

2.1.1.6. Biểu thuế lũy tiến từng phần

Biểu thuế này đã được áp dụng thống nhất trong thời gian dài để tính số thuế TNCN phải nộp, từ đó xác định số thuế TNCN được hoàn. Mức thuế suất cao nhất của biểu thuế lũy tiến từng phần nên là 25%, bằng với mức điều tiết của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cũng là mức thu nhập chịu thuế thường được áp dụng cho các cá nhân kinh doanh. Như vậy, sẽ đảm bảo bình đẳng hơn giữa hai sắc thuế trực thu này.

2.1.2. Thực trạng pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế

2.1.2.1. Quy định pháp luật về đăng ký thuế thu nhập cá nhân

Việc đăng ký thuế, cấp MST cho cá nhân người lao động và NPT của họ được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện. Tuy nhiên, thực tế tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện nay, một số tổ chức chi trả thu nhập, tập trung ở các đơn vị sự nghiệp, không chủ động thu thập thông tin NLD để tổng hợp, thực

hiện đăng ký thuế cho NLD, mà để NLD tự thực hiện thủ tục đăng ký thuế trực tiếp tại CQT. Điều này đi ngược lại với tiến trình hiện đại hóa hệ thống thuế, gây mất thời gian, công sức, bất tiện cho cả NNT và CQT.

Bên cạnh đó, việc đăng ký thuế cho NPT cũng chưa được nhiều tổ chức chi trả thu nhập thật sự chú tâm, không thực hiện đăng ký thuế đầy đủ cho NPT của NNT, hay không khắc phục các sai phạm khi hệ thống gửi thông báo mô tả lỗi thực hiện đăng ký thuế không thành công, gây trở ngại, kéo dài thời gian không cần thiết trong quá trình hoàn thuế TNCN.

Việc CQT tiến hành cấp MST cá nhân qua mạng internet đồng thời đã hỗ trợ việc thực hiện quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN cho các cá nhân, nhất là cá nhân có thu nhập ở nhiều nơi có thể tiến hành đăng ký thuế nhanh chóng, thuận lợi. Bên cạnh đó, bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện đăng ký thuế, CQT đã có thể quản lý, kiểm soát thu nhập của đối tượng nộp thuế, nắm được tương đối đầy đủ thông tin thu nhập từ tiền lương, tiền công của cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế là doanh nghiệp trả cho người lao động trong biên chế, hợp đồng lao động dài hạn, ngắn hạn.

2.1.2.2. Quy định pháp luật về kê khai thuế thu nhập cá nhân

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có phát sinh khấu trừ thuế TNCN khai thuế theo tháng hoặc quý. Pháp luật hiện hành ngày càng có sự hoàn thiện lớn hơn so với các quy định trước đây về tần suất khai thuế, về cách thức kê khai, về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Từ việc thực hiện tốt công tác kê khai, khấu trừ, sẽ thúc đẩy NNT chấp hành tốt việc kê khai, nộp thuế, góp phần ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thuế của NNT, qua đó đảm bảo tính chính xác, trung thực trong quyết toán thuế và hoàn thuế.

2.1.2.3. Quy định pháp luật về nộp thuế thu nhập cá nhân

Pháp luật về nộp thuế TNCN không ngừng được hoàn thiện qua các lần sửa đổi pháp luật về quản lý thuế nói chung, có thể kể đến: Quy định quy đổi tỷ giá tính thuế; Quy định căn cứ tình hình thực tế và điều kiện trang bị công nghệ thông tin, NNT không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ thuế khác mà cơ quan quản lý nhà nước đã có; Quy định về mức phạt chậm nộp thuế đã giảm từ 0,05%/ngày xuống mức thấp hơn là 0,03%/ngày.

2.1.2.4. Quy định pháp luật về quyết toán thuế và hoàn thuế thu nhập cá nhân

Quy định pháp luật hiện hành đã có một số đổi mới, bước tiến so với quy định trước đây: cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế TNCN từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống không phải khai quyết toán thuế TNCN với CQT; Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm đã được kéo dài ra hơn so với quy định trước đây.

Cá nhân trực tiếp quyết toán với CQT nếu có số thuế nộp thừa thì được hoàn thuế theo yêu cầu, hoặc bù trừ với số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo. Hoàn thuế TNCN đã được quy định cụ thể về điều kiện được hoàn, phân loại hồ sơ, hình thức nộp hồ sơ, ủy quyền quyết toán, hồ sơ hoàn, quy trình hoàn,...

2.1.3. Thực trạng pháp luật về trách nhiệm thực hiện quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân của CQT

2.1.3.1. Quy định pháp luật về nguyên tắc quản lý thuế

Quy định pháp luật về nguyên tắc quản lý thuế đã bao quát, nêu bật được những nội dung cần thiết, thể hiện chất lượng ngày được nâng cao hơn của pháp luật quản lý thuế, tạo tiền đề thực hiện hiệu quả pháp luật quản lý thuế nói chung, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng.

2.1.3.2. Quy định pháp luật về quy trình thực hiện hoàn thuế thu nhập cá nhân cho người nộp thuế

Quy định hiện hành đã quy định cụ thể về giảm thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế, nội dung và trình tự công việc CQT, công chức thuế thực hiện giải quyết hoàn thuế và đang ngày càng đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính, hiện đại hóa hệ thống thuế, rút ngắn nhất có thể thời gian nhận được tiền thuế nộp thừa được hoàn trả gửi đến NNT. Qua quá trình áp dụng pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, đến nay đã khắc phục được những tồn tại lớn phổ biến trước đây.

2.1.3.3. Quy định pháp luật về quản lý thông tin người hoàn thuế thu nhập cá nhân

Hệ thống thông tin về NNT trước hết và chủ yếu được xây dựng trên cơ sở tự khai của NNT và trách nhiệm cung cấp thông tin về NNT của các cơ quan liên quan. Thông qua việc thực hiện khấu trừ, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế của tổ chức trả thu nhập, công tác quản lý của CQT cơ bản đã nắm được tương đối đầy đủ thông tin về thu nhập từ tiền lương, tiền công của cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế là doanh nghiệp trả cho NLĐ trong biên chế hoặc hợp đồng lao động dài hạn, ngắn hạn. Công tác quản lý thông tin NNT TNCN phục vụ cho công tác hoàn thuế TNCN còn hạn chế trong việc kiểm soát triệt để sự đa dạng, phức tạp và phát triển nhanh chóng của các nguồn hình thành thu nhập.

2.1.3.4. Quy định pháp luật về kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập cá nhân

Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra, hoạt động quản lý thuế nói chung, công tác quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng đạt được hiệu quả tốt hơn. Tại Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, ngay từ đầu mỗi năm, đã tập trung quán triệt và chỉ đạo quyết liệt, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đổi mới chú trọng hướng dẫn cho NNT; đồng thời phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm theo luật định. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số bất cập nhất định: nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu quản lý thuế; Chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế TNCN còn hạn chế; Các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân chưa đề cao trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin và phối hợp chặt chẽ với CQT trong công tác quản lý hoàn TNCN.

2.1.3.5. Quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh

Nhìn chung, các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp về thuế TNCN đa phần là các quy phạm dẫn chiếu tới pháp luật hành chính (Luật khiếu nại, Luật tố cáo) và các quy phạm pháp luật tố tụng (Luật tố tụng hành chính) nên nó có tính ổn định tương đối cao và quá trình hoàn thiện phụ thuộc vào quá trình hoàn thiện của pháp luật khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành chính được dẫn chiếu đến. Việc Tổng cục thuế ban hành quy trình tham gia tố tụng hành chính về thuế kèm theo Quyết định số 695/QĐ-TCT ngày 06/6/2019 chỉ có ý nghĩa trong hướng dẫn nghiệp vụ, tính ổn định không cao và không có giá trị pháp lý bắt buộc của quy phạm pháp luật.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, hệ thống tổ chức bộ máy ngày càng được tinh giản, đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN được cao nhất có thể; Cán bộ, công chức thuế có trình độ, năng lực ngày càng được nâng cao. Trang thiết bị, Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là chất lượng hệ thống công nghệ thông tin (mạng internet, các phần mềm chuyên dụng, hệ thống quản lý dữ liệu điện tử,...) được đảm bảo. Nhờ đó, công tác quản lý hoàn thuế TNCN được thực hiện thông suốt, hiệu quả, đạt được những kết quả nhất định:

- Giải quyết hồ sơ hoàn thuế TNCN

Hồ sơ hoàn thuế TNCN được giải quyết đúng, đủ, kịp thời, đúng quy định. Qua các năm, việc thực hiện quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN của NNT được nâng cao, số hồ sơ được giải quyết có chiều hướng gia tăng, số tiền được hoàn được kiểm soát ngày càng chặt chẽ hơn. Hồ sơ hoàn thuế TNCN được giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, đảm bảo đúng thời gian, trình tự quy định. Qua thực tiễn phát sinh tại tỉnh Thừa Thiên Huế, không xảy ra trường hợp khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến giải quyết hồ sơ hoàn thuế TNCN.

- Việc khấu trừ thuế của các tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập

Qua quá trình hoàn thiện pháp luật thuế TNCN và pháp luật quản lý hoàn thuế nói chung, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay, việc khấu trừ thuế đã đi vào quỹ đạo, các tổ chức chi trả thu nhập đã ý thức, nắm bắt, thực hiện đúng quy định pháp luật được tốt hơn, các tổ chức chi trả thu nhập đã chủ động, tự giác tự kê khai, khấu trừ thuế TNCN người lao động từng tháng, từng quý, thực hiện quyết toán thuế TNCN theo đúng quy định.

- Thực hiện đăng ký thuế TNCN

Công tác đăng ký kê khai thuế tại CQT trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian, được chú trọng việc kiểm kê,

rà soát MST, đảm bảo kiểm soát, nắm bắt kịp thời đối tượng nộp thuế, để đưa vào diện theo dõi, quản lý thuế. Việc CQT tiến hành cấp MST cá nhân qua mạng internet đồng thời đã hỗ trợ việc thực hiện quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN cho các cá nhân, nhất là cá nhân có thu nhập ở nhiều nơi có thể tiến hành đăng ký thuế nhanh chóng, thuận lợi. Bên cạnh đó, bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện đăng ký thuế, CQT đã có thể quản lý, kiểm soát thu nhập của đối tượng nộp thuế, nắm được tương đối đầy đủ thông tin thu nhập từ tiền lương, tiền công của cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế là doanh nghiệp trả cho người lao động trong biên chế, hợp đồng lao động dài hạn, ngắn hạn.

- *Tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế và hỗ trợ đối tượng hoàn thuế*

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, CQT luôn chủ trương chú trọng, tăng cường công tác, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật hoàn thuế TNCN, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết, ý thức tuân thủ của NNT.

- *Cải cách, đơn giản hóa và kiểm soát thủ tục hành chính thuế*

Công tác cải cách, đơn giản hóa và kiểm soát thủ tục hành chính thuế, cùng với đó là việc triển khai thực hiện công tác hiện đại hoá, kê khai thuế qua mạng Internet; nộp thuế điện tử, hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) luôn được Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm đẩy mạnh triển khai sâu rộng.

2.2.2. *Vướng mắc trong thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân ở tỉnh Thừa Thiên Huế*

- *Xác định kỳ tính thuế của NNT*

Trên thực tế phát sinh tại tỉnh Thừa Thiên Huế, trong quá trình thực hiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN, một trong những lỗi thường gặp ở NNT là không xác định thu nhập chịu thuế trong đúng kỳ tính thuế yêu cầu hoàn, xuất phát từ những nguyên nhân như không nắm bắt quy định pháp luật, sơ sót trong quá trình thực hiện, hoặc cố tình không trung thực trong kê khai. Cụ thể, một bộ phận người nộp thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế, hoàn thuế kê khai thu nhập từ chứng từ khấu trừ của nhiều năm khác nhau, trái với quy định kỳ tính thuế là kỳ tính thuế theo năm và thu nhập chịu thuế được xác định bằng tổng số thu nhập nhận được trong kỳ tính thuế. Một trường hợp sai phạm thường gặp khác, đó là NNT không kê khai đầy đủ tổng số thu nhập nhận được trong kỳ tính thuế, bao gồm cả thu nhập vãng lai ở các nơi khác. Những lỗi này gây ảnh hưởng trực tiếp đến số tiền thuế phải nộp, số thuế được hoàn.

- *Thực hiện đăng ký thuế TNCN*

Thực tế tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện nay, một số tổ chức chi trả thu nhập, tập trung ở các đơn vị sự nghiệp, không chủ động thu thập thông tin NLD để tổng hợp, thực hiện đăng ký thuế cho NLD, mà để NLD tự thực hiện thủ tục đăng ký thuế trực tiếp tại CQT. Điều này đi ngược lại với tiến trình hiện đại hóa hệ thống thuế, gây mất thời gian, công sức, bất tiện cho cả NNT và CQT.

Bên cạnh đó, việc đăng ký thuế cho NPT cũng chưa được nhiều tổ chức chi trả thu nhập thật sự chú tâm. Theo quy định pháp luật hiện hành, khi NNT đăng ký giảm trừ gia cảnh cho NPT sẽ được CQT cấp MST cho NPT và được tạm tính giảm trừ gia cảnh trong năm kể từ khi đăng ký. Hiện nay, chỉ trong vòng trung bình một đến hai giờ đồng hồ sau khi thực hiện đăng ký thuế cho NPT trên

môi trường mạng internet, hệ thống sẽ tự động trả kết quả đăng ký về cho người thực hiện đăng ký. Tuy nhiên, nhiều tổ chức chi trả thu nhập vẫn không thực hiện đăng ký thuế đầy đủ cho NPT của NNT, hay không khắc phục các sai phạm khi hệ thống gửi thông báo mô tả lỗi thực hiện đăng ký thuế không thành công, gây trở ngại, kéo dài thời gian không cần thiết trong quá trình hoàn thuế TNCN.

- *Công tác kiểm tra, thanh tra thuế TNCN*

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số bất cập nhất định:

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, nguồn nhân lực dành cho công tác thanh, kiểm tra vẫn chưa đáp ứng về số lượng và chất lượng so với yêu cầu quản lý thuế.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế TNCN còn hạn chế. CQT thiếu chức năng điều tra hành vi trốn thuế, mọi vi phạm hình sự về thuế đều phải chuyển qua cơ quan điều tra để điều tra. Sự phối hợp với các cơ quan chức năng, đặc biệt là cơ quan công an, xuất nhập cảnh... trong việc quản lý đối tượng, quản lý thu nhập đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa được thường xuyên, liên tục.

- Các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân chưa đề cao trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin và phối hợp chặt chẽ với CQT trong công tác quản lý hoàn TNCN. Dư luận rộng rãi chưa lên án mạnh mẽ các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, thậm chí có một số ít người còn thờ ơ, khuyến khích, đồng tình.

Kết luận Chương 2

L luận văn đã tổng hợp chi tiết các quy phạm pháp luật liên quan được phân loại theo từng nhóm quy định cụ thể; đồng thời, dẫn chứng tình hình thực tiễn tại địa bàn Thừa Thiên Huế bằng các số liệu, báo cáo tổng kết, từ đó phân tích, luận giải những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong nhiều khía cạnh, góc độ của pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN.

Pháp luật thuế TNCN nói chung, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng đã được hoàn thiện thường xuyên, xuyên suốt tiến trình trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, thay thế. Đến nay, đã phân nào bảo đảm tính toàn diện, thống nhất và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu về cải cách hành chính của Chính phủ, được truyền thông và người dân công nhận.

Bên cạnh những kết quả đạt được đó, tất yếu vẫn còn những bất cập trong quy định pháp luật hay thực tiễn thực hiện, phát sinh trên thực tế, đòi hỏi cần được tiếp tục hoàn thiện, tạo ra một khuôn khổ pháp lý toàn diện, đồng bộ, khả thi, hiệu quả góp phần nâng cao hiệu lực quản lý hoàn thuế TNCN.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HOÀN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

3.1.1. Việc hoàn thiện pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân cần đặt trong tiến trình cải cách hệ thống thuế quốc gia

Việc quản lý hoàn thuế TNCN cần đặt trong tiến trình cải cách hệ thống thuế quốc gia theo quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng chính phủ ban hành về phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 -2020.

3.1.2. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân phải bảo đảm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong nước và hội nhập quốc tế

Khi hội nhập đã trở thành một xu thế tất yếu thì yêu cầu về tính tương đồng đã trở thành xu hướng chung của các nước trên thế giới khi xây dựng pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng. Việc đảm bảo nguyên tắc hội nhập quốc tế sẽ tạo cơ sở thúc đẩy sự phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại và thu hút đầu tư nước ngoài.

3.1.3. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân phải là công cụ hữu hiệu trong việc đảm bảo thực thi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách nhà nước

Ý thức tuân thủ pháp luật thuế TNCN của đối tượng nộp thuế sẽ được nâng lên khi chính sách hoàn thuế TNCN tạo ra sự công bằng trong thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn thuế của NNT. Bên cạnh đó, pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN phải là công cụ hữu hiệu để đảm bảo nguồn thu NSNN, không để hoàn sai đối tượng, sai số tiền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

3.1.4. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân phải đảm bảo công bằng xã hội

Pháp luật hoàn thuế TNCN góp phần trọng yếu tạo sự công bằng trong xã hội. Sự công bằng trong nghĩa vụ thuế TNCN được bảo đảm có nghĩa vai trò điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, đảm bảo công bằng xã hội đi vào đời sống thực tế.

3.1.5. Pháp luật quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân đảm bảo dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát

Khi pháp luật quản lý thuế TNCN không đảm bảo tính minh bạch, đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát thì NNT khó tự giác chấp hành, CQT khó quản lý thu nộp. Đồng thời, sự phức tạp, không minh bạch của pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN làm tăng chi phí hành thu và chi phí tuân thủ Luật thuế TNCN của các đối tượng nộp thuế. Đảm bảo được tính rõ ràng, quy định dễ hiểu, mọi người có cách hiểu thống nhất, NNT sẽ hiểu biết và tuân thủ Luật thuế

triệt để hơn, từ đó các cơ quan có thẩm quyền quản lý, kiểm soát thuế cũng thuận tiện và hiệu quả hơn.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân

Từ những phân tích, luận giải trong chương 2 về vai trò chi phối của Luật thuế TNCN đến sự hoàn thiện của pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN. Do vậy, trước hết, việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định về nội dung chính sách thuế TNCN đóng vai trò rất quan trọng.

3.2.1.1. Quy định về kê khai giảm trừ gia cảnh

Thứ nhất, chỉ nên quy định một cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng sức khỏe cho đối tượng phụ thuộc được kê khai giảm trừ, cụ thể là cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên, để tránh tình trạng các cơ quan đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, khiến người kê khai mắc kẹt khi đợi chờ xác nhận.

Thứ hai, cần bổ sung thêm quy định về hồ sơ chứng minh cho đối tượng “không nơi nương tựa” như quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định trách nhiệm nuôi dưỡng của đối tượng kê khai giảm trừ gia cảnh đối với đối tượng này.

Thứ ba, cần có quy định, hướng dẫn chi tiết, cụ thể đối với hồ sơ, giấy tờ yêu cầu cần có khi người nước ngoài cư trú kê khai giảm trừ gia cảnh.

Thứ tư, cần tăng thời hạn nộp hồ sơ kê khai giảm trừ gia cảnh, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT. Thời hạn nộp hồ sơ chứng minh NPT cần thay đổi cho phù hợp với thực tế cũng như tạo điều kiện cho người dân kê khai giảm trừ gia cảnh, đề xuất quy định là 06 tháng kể từ ngày đăng ký giảm trừ, đối với trường hợp thay đổi (tăng, giảm) số lượng NPT thì nộp lại hồ sơ chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày đăng ký thay đổi thay vì 03 tháng như hiện nay.

Trường hợp 06 tháng được coi là không phù hợp, quá dài trong bối cảnh cải cách thủ tục hành chính, thì đề xuất nên áp dụng sự thay đổi này cho cá nhân người nước ngoài khi họ kê khai giảm trừ gia cảnh, vì họ phải hợp thức hóa lãnh sự với rất nhiều loại giấy tờ, mất thời gian tìm hiểu pháp luật Việt Nam, đặc biệt là khi thời hạn để người nước ngoài hoàn thành các thủ tục hợp thức hóa lãnh sự các loại giấy trong pháp luật về Dân sự, Thương mại, Hôn nhân và gia đình thường được quy định là 06 tháng.

3.2.1.2. Quy định về giảm trừ gia cảnh

Để pháp luật về giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân cư trú trong pháp luật thuế TNCN được hiệu quả hơn, công bằng, hợp lý, đề xuất sửa đổi một số quy định sau:

Thứ nhất, cháu là con của anh, chị, em ruột của NNT muốn là NPT để NNT đăng ký giảm trừ gia cảnh thì ngoài yếu tố “NNT trực tiếp nuôi dưỡng”, cần phải quy định rõ các đối tượng này “có vấn đề về cha mẹ” như: Cháu phải

chưa thành niên và không còn cha, mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu theo quy định của pháp luật dân sự. Thay đổi này sẽ hạn chế tình trạng nhiều đối tượng NPT là cháu, sống với NNT nhưng có thể chỉ trên danh nghĩa để được tính là NPT, trong khi cha mẹ của NPT này vẫn đủ khả năng nuôi dưỡng, nhưng có thể thu nhập chịu thuế chưa đến mức giảm trừ gia cảnh bản thân.

Thứ hai, đề xuất quy định mức thu nhập trần của NPT từ “dưới 1 triệu đồng/tháng” hiện nay thành “dưới mức lương cơ sở” để đảm bảo tính khoa học, ổn định tương đối (trong năm 2020, mức lương cơ sở là 1,49 triệu đồng theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ).

Thứ ba, mức giảm trừ gia cảnh được quy định phải có cơ sở rõ ràng, căn cứ vào GDP bình quân đầu người, căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng CPI hay căn cứ vào giá bán lẻ hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Sau đó, đề xuất trưng cầu ý dân, kết hợp với tính toán thu chi ngân sách. Trong bối cảnh hội nhập, thuế gián thu đang có xu hướng giảm mạnh, phải tính toán lại nguồn thu và vai trò của thuế trực thu nói chung, thuế TNCN nói riêng trong cơ cấu nguồn thu từ thuế để xác định mức giảm trừ gia cảnh phù hợp.

3.2.1.3. Quy định về khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Thứ nhất, cần đẩy mạnh hơn nữa và thực hiện triệt để cơ chế khấu trừ thuế tại nguồn trước khi chi trả thu nhập cho cá nhân. Hiện nay, cơ chế khấu trừ thuế tại nguồn đang thực hiện và áp dụng theo biểu thuế lũy tiến theo năm; CQT sẽ khấu trừ theo tháng hoặc quý nếu thu nhập tháng hoặc quý đó ở mức phải nộp thuế. Để xác định mức khấu trừ tại nguồn có thể áp dụng nguyên tắc tạm nộp trong năm thì tính theo thuế suất toàn phần, cuối năm quyết toán theo biểu thuế suất lũy tiến từng phần. Tỷ lệ khấu trừ tại nguồn đề xuất nâng cao hơn để đảm bảo số thuế tạm nộp lớn hơn số thuế phải nộp thì đối tượng nộp thuế mới tích cực kê khai quyết toán thuế cuối năm.

Thứ hai, đối với khoản thu nhập vãng lai, cũng cần tăng cường thực hiện khấu trừ thuế đúng quy định pháp luật, áp dụng thống nhất trong các đơn vị, bảo đảm nguồn thu NSNN ngay cả khi cá nhân có thu nhập vãng lai tại nhiều nơi nhưng không kê khai đúng, đủ, hay đơn vị chi trả chưa đến hạn hay nộp chậm hạn hồ sơ quyết toán thuế, dẫn đến CQT chưa có căn cứ, thông tin để kịp thời nắm bắt thu nhập vãng lai của đơn vị chưa nộp hồ sơ quyết toán đó.

Thứ ba, cần xác định rõ ràng trách nhiệm phải khấu trừ tiền thuế cho đơn vị chi trả thu nhập, có tỷ lệ thù lao thích hợp hơn, có sự biểu dương, khen thưởng đối với đơn vị thực hiện tốt trách nhiệm của mình và xử lý kịp thời, nghiêm minh các đơn vị không thực hiện đúng trách nhiệm.

Thứ tư, đề xuất điều chỉnh mức khởi điểm khấu trừ với thu nhập vãng lai, vì mức 2 triệu đồng đã áp dụng từ năm 2013, đến nay không còn phù hợp và

chưa được sửa đổi thêm lần nào, để đảm bảo tính thực thi, hạn chế lượng hồ sơ quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN từ một lượng tương đối lớn cá nhân có thu nhập tự do rất thấp, không đến mức chịu thuế, mức thu nhập chỉ đủ giảm trừ cho bản thân.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ hoàn thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế

3.2.2.1. Về đăng ký thuế và nộp thuế thu nhập cá nhân

Thứ nhất, để quản lý hoàn thuế TNCN được tốt, CQT phải lên kế hoạch triển khai mở rộng cấp MST cho các đối tượng nộp thuế, đặc biệt là các đối tượng là cá nhân hành nghề độc lập, có nhiều nguồn thu nhập khác nhau, để hạn chế tối đa việc bỏ sót đối tượng nộp thuế. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc đăng ký và cấp MST cá nhân, tiến tới mỗi công dân đều có một mã số để quản lý, không phân biệt có hay không có thu nhập chịu thuế.

Thứ hai, tăng cường quản lý MST, xem đây là một khâu đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý hoàn thuế TNCN. Quản lý được NNT là cơ sở để tiến hành quản lý thu nhập chịu thuế, xác định nghĩa vụ thuế của cá nhân, đáp ứng được yêu cầu quản lý hoàn thuế TNCN, đảm bảo kiểm soát được thu nhập của các cá nhân, chống gian lận trong kê khai các khoản được giảm trừ nhằm đảm bảo sự công bằng giữa những NNT. Công tác đăng ký và cấp MST là bước tiền đề và có vai trò quan trọng trong việc triển khai công tác tin học hóa quy trình hoàn thuế TNCN. Quản lý đối tượng thông qua MST sẽ tăng tính chủ động cho CQT, sẽ tạo thuận lợi hơn khi kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của NNT.

Thứ ba, tiếp tục mở rộng khai thuế và cấp MST điện tử. Trên thực tế, việc cấp MST điện tử mới chỉ thực hiện được thông qua tổ chức chi trả thu nhập mà chưa thực hiện được đối với cá nhân độc lập. Nguyên nhân của thực trạng này là do hạ tầng công nghệ thông tin chưa đủ để đáp ứng, đồng thời yêu cầu đặt ra không đủ lớn và cấp thiết để đầu tư thay đổi, nâng cấp vấn đề này. Hiện nay, cá nhân vẫn phải mang chứng minh thư nhân dân hay thẻ căn cước công dân trực tiếp đến CQT để đăng ký thuế, làm mất nhiều thời gian, công sức đăng ký thuế cho cả CQT và cá nhân đó. Hướng giải quyết đề xuất là kết nối liên thông điện tử trong phối hợp nghiệp vụ giữa CQT và Đội Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an cấp huyện, như vậy sẽ giúp việc quản lý thuế TNCN hiệu quả nhất có thể.

Thứ tư, để công tác quản lý thuế có hiệu quả, cần tăng cường rà soát, ứng dụng công nghệ thông tin, vận dụng kỹ năng chuyên môn, thu thập, tổng hợp thông tin, triển khai đảm bảo rằng mỗi cá nhân chỉ có một MST duy nhất. Hiện nay, việc đăng ký MST điện tử đã tự động báo lỗi đăng ký không thành công khi đăng ký mới MST cho NNT đã có MST thông qua nhận diện thông tin CMND. Tuy nhiên, nhiều trường hợp một NNT có hai NST do NNT được thực hiện đăng ký cấp MST hai lần theo hai số CMND theo quy định cũ và quy định cấp

thẻ căn cước công dân mới, hay NPT được đăng ký thuế trước khi chưa có CMND và sau khi chưa có CMND.

Thứ năm, không chỉ cấp MST cho NNT, cần tiến hành khẩn trương việc cấp MST cho NPT để thuận tiện cho việc quản lý, kê khai, tránh hiện tượng NNT kê khai trùng để giảm số thuế phải nộp. Việc kê khai NPT hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức tự giác của mỗi cá nhân. Vì vậy, để đảm bảo phát hiện kịp thời các trường hợp cá nhân nộp thuế cố tình khai gian, khai trùng, khai không đúng về NPT, CQT sẽ phối hợp với đơn vị chi trả thu nhập và hội đồng tư vấn xã, phường để kiểm soát và quản lý.

Thứ sáu, toàn bộ hồ sơ chứng minh về NPT gửi tới CQT sẽ được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin tại CQT sẽ xác lập mã nhận diện về NPT và chính mã nhận diện này sẽ cho phép CQT loại trừ những trường hợp gian lận nhằm mục đích trốn thuế, lách thuế. Hơn nữa, nếu mỗi công dân sinh ra đã có MST được quản lý như chứng minh thư nhân dân thì CQT sẽ dễ dàng, thuận tiện, nhanh chóng hơn trong việc kiểm tra, quản lý NPT của NNT.

Thứ bảy, đối với cá nhân có thu nhập vắng lai, việc quản lý MST phải dựa trên sự phối hợp với các tổ chức, cơ quan liên quan. Đối với các cá nhân có đăng ký thường trú thì CQT chỉ cần phối hợp với UBND xã, phường, thành phố... nơi cá nhân đăng ký thường trú để quản lý MST, đồng thời phối hợp với cơ quan cho trả cho cá nhân đó để thu thuế TNCN theo phương pháp khấu trừ tại nguồn. Đối với các cá nhân không có đăng ký thường trú thì CQT ngoài sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức như trên thì còn cần phải phối hợp với cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh để đăng ký và quản lý MST cho các cá nhân này.

Thứ tám, đối với cá nhân không cư trú, chủ yếu là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Cần hoàn thiện hành lang pháp lý một cách chặt chẽ, có tính pháp lý cao hơn, hoàn thiện khung luật định về lao động nước ngoài với mục tiêu siết chặt quản lý để quản lý đối tượng này tốt hơn. Để xác định số thuế phải nộp của NNT thì cần phải xác định được thu nhập chịu thuế và các khoản giảm trừ, nên cần phải có sự phối hợp giữa các bên có liên quan.

3.2.2.2. Về thu nhập chịu thuế

Quản lý thu nhập chịu thuế của cá nhân là yếu tố tiền đề quyết định chất lượng, hiệu quả của việc thực thi pháp luật hoàn thuế TNCN, nhằm mang lại hiệu quả cho NSNN. Tuy nhiên, khi cơ sở nền tảng cho việc quản lý thu nhập còn chưa đầy đủ, đòi hỏi cần chủ động đề ra những giải pháp để hạn chế thấp nhất những rủi ro, thất thoát có thể xảy ra.

Thứ nhất, phát triển hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, hướng tới việc quản lý thu nhập của cá nhân qua hệ thống ngân hàng, từ đó kiểm soát được thu nhập của cá nhân, đạt được mục tiêu hoàn đúng, hoàn đủ thuế TNCN cho NSNN, từ đó công tác quản lý thu nhập của các cá nhân của CQT được thuận tiện nhất.

Thứ hai, kiểm soát thu nhập của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, CQT cần có căn cứ vào những thông tin thu thập được từ các nguồn như: nguồn thông tin, dữ liệu được cung cấp bởi các cơ quan chi trả thu nhập; thông tin từ các tổ chức, đơn vị có quan hệ kinh tế với các cá nhân để khai thác các nguồn thu nhập; thông tin từ chính quyền và hội đồng tư vấn thuế phường, xã để có được những thông tin về thu nhập của cá nhân, số NPT của các gia đình.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm thực hiện quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân của CQT

3.2.3.1. Giải pháp tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật hoàn thuế thu nhập cá nhân

Cần có nghĩa vụ thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thuế nói chung, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra nói riêng với hệ thống tiêu chí đánh giá xếp loại NNT theo mức độ tín nhiệm; Nâng cao phương pháp phân tích rủi ro; Cần bổ sung quy định tăng cường chức năng cho CQT được quyền tham gia đoàn kiểm tra hỗ trợ công an điều tra kịp thời những vi phạm về thuế lớn để đem lại hiệu quả cho công tác thanh tra, kiểm tra của CQT.

Trong quá trình thanh, kiểm tra, cần quy định rõ quy định về lập kế hoạch thanh tra; quy định về thực hiện thanh tra; quy định về cơ chế, chính sách; quy định rõ về sự phối kết hợp giữa ngành thuế và cơ quan khác có liên quan;

Cần tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ thanh tra nhằm nâng cao trình độ cán bộ đáp ứng ngày càng cao của thực tiễn công tác thanh tra. Có sự tuyển chọn các cán bộ có trình độ chuyên môn tốt, kỹ năng tin học, ngoại ngữ bổ sung cho lực lượng thanh tra thuế.

Xây dựng các chương trình phần mềm hỗ trợ cho cán bộ thuế làm công tác thanh tra trong việc thu thập toàn bộ thông tin của NNT trên về một mối. Trang bị các phương tiện máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo điều kiện làm việc nhằm phát huy tối đa khả năng làm việc của cán bộ thuế.

Làm tốt hơn nữa công tác kiểm tra tại CQT đối với hồ sơ quyết toán thuế TNCN của các cơ quan chi trả thu nhập; Xây dựng quy trình kiểm tra quyết toán thuế; Kết hợp tốt giữa việc kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với kiểm tra quyết toán thuế TNCN trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT; Cần đúc rút kinh nghiệm và tổng hợp thành sổ tay hướng dẫn thanh tra, kiểm tra thuế TNCN ở từng loại hình doanh nghiệp, từng cơ quan chi trả thu nhập để làm tài liệu hướng dẫn trong kiểm tra hồ sơ tại CQT cũng như trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT; Kiện toàn hệ thống kiểm tra nội bộ trong toàn ngành để kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tính liêm chính của CQT, công chức thuế.

3.2.3.2. Ký kết, hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Hiện nay, pháp luật hiện hành quy định đánh thuế dựa trên 02 tiêu thức nơi cư trú và nơi phát sinh thu nhập. Đến năm 2020, Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần cùng với 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Những hiệp ước này

tạo ra những đóng góp đáng kể để tránh đánh thuế hai lần và ngăn chặn trốn thuế và nạn buôn lậu đối với thuế thu nhập và tài sản. Tuy nhiên, có những quốc gia quan hệ lâu dài với Việt Nam, quan hệ kinh tế, lao động luân chuyển diễn ra thường xuyên mà ta vẫn chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần như Đức, Hàn Quốc, Campuchia. Vậy nên, một trong những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoàn thuế TNCN nói riêng là đẩy mạnh công tác đàm phán, ký kết và thực hiện nghiêm túc các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các nước.

3.2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật

3.2.4.1. Giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật hoàn thuế thu nhập cá nhân đến người nộp thuế

Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật làm cho các cá nhân, tổ chức hiểu rõ được bản chất, vai trò và tác dụng của thuế, từ đó góp phần nâng cao sự nhận thức, hiểu biết của các tổ chức, cá nhân về các chính sách thuế, tạo được sự ủng hộ, sẵn sàng cung cấp thông tin, phối hợp với CQT trong việc thực thi nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân với Nhà nước.

Xây dựng được một mạng lưới thông tin tuyên truyền sâu rộng trên toàn quốc với các phương tiện hiện đại; Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền; Tổ chức “đường dây nóng” tại cả Cục thuế và Chi cục thuế, bố trí cán bộ thường trực, có đủ trình độ, kịp thời tư vấn, giới thiệu, giải đáp thắc mắc về thuế phát sinh trong thời gian quyết toán thuế hàng năm; Đặt hòm thư góp ý công khai tại cơ quan thuế để người dân có thể đóng góp, xây dựng ý kiến cho hoạt động của CQT.

Trong thời gian qua, mới chỉ tập trung tuyên truyền, chưa đi sâu vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuế. Do đó cần tăng cường theo hướng: Tuỳ thuộc vào từng đối tượng cụ thể, căn cứ vào nhu cầu thiết thực, đòi hỏi bức xúc và sự cần thiết trước mắt của các nhóm đối tượng để có những biện pháp phổ biến, giáo dục phù hợp; Nghiên cứu áp dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm NNT.

3.2.4.2. Tăng cường hỗ trợ người nộp thuế

Cần tăng cường nhân lực, trang thiết bị tại bộ phận một cửa đảm bảo phục vụ tốt NNT thực hiện các thủ tục hành chính về thuế nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ mà Nhà nước trao; Cần tiếp tục xây dựng và triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ NNT thực hiện thủ tục hành chính, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử; Phân tích, phân loại các vướng mắc thường gặp để hỗ trợ hiệu quả NNT, xây dựng cơ sở dữ liệu hỗ trợ giải đáp các vướng mắc của NNT để áp dụng thống nhất trong toàn ngành; Cần phát triển dịch vụ hỗ trợ NNT thông qua cơ chế hợp tác với hệ thống ngân hàng, các công ty phần mềm kế toán, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển các đại lý thuế.

3.2.4.3. Tăng cường phối hợp giữa CQT với các cơ quan chức năng của các ngành, các lĩnh vực có liên quan

Với đặc trưng của thuế TNCN, trước hết, phải nói đến sự phối hợp giữa CQT với BHXH, với Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước. Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường sự trao đổi thông tin thường xuyên giữa cơ quan quản lý nhân khẩu với CQT. Hiệu quả nhất là có hệ thống thông tin nối mạng liên ngành giữa các cơ quan này để việc quản lý giảm trừ gia cảnh được thực hiện một cách chính xác và đảm bảo công bằng. Bên cạnh đó, CQT cần phải phối hợp với các cơ quan xuất nhập cảnh, cơ quan quản lý lao động và các cơ quan quản lý chuyên môn khác trong việc quản lý chặt chẽ NNT. CQT cũng cần thể hiện vai trò chủ động trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng như công an, cảnh sát kinh tế,... và thẩm quyền của CQT trong việc điều tra, kiểm soát thu nhập, xử phạt hành chính và quyền định đoạt tài sản trong trường hợp đối tượng nộp thuế vi phạm pháp luật về thuế. Giữa CQT các tỉnh, thành phố, địa phương khác nhau cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ, kiểm soát thu nhập của các cá nhân làm việc ở nhiều nơi.

3.2.4.4. Giải pháp về hiện đại hoá công tác quản lý hoàn thuế TNCN gắn với cải cách thủ tục hành chính

Hiện nay, giải pháp hiện đại hóa công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng được công tác quản lý thuế là chìa khóa để giải quyết những tồn tại trong công tác quản lý hoàn thuế TNCN, xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin tập trung hiện đại). Giải pháp xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu quản lý tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu của NNT sẽ tăng cường công tác quản lý thuế TNCN cũng như các sắc thuế khác và sẽ cắt giảm bớt thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho NNT.

3.2.4.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở vật chất ngành Thuế

Với mục tiêu tinh giảm biên chế nhân sự quản lý thuế nhưng vẫn hiệu quả, chính xác, nhanh chóng, cần từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế. CQT cần phải được hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý thuế, trang bị máy tính nối mạng toàn quốc. Hệ thống quản lý thuế bằng các ứng dụng công nghệ thông tin, xét về thời điểm đầu tư thì chi phí cao, nhưng về lâu dài thì tiết kiệm thời gian và chi phí rất hiệu quả. Hệ thống không chỉ phục vụ cho công tác quản lý hoàn thuế TNCN mà còn cho tất cả các loại thuế khác. Hoàn thiện chương trình quản lý hoàn thuế TNCN qua mạng để công việc thực hiện được thuận lợi nhất. Hoàn chỉnh thống nhất chương trình kết nối thông tin quản lý dữ liệu trên toàn quốc để có thể theo dõi dễ dàng, thuận tiện tổng thu nhập chịu thuế của từng cá nhân trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thu nộp thuế của từng đối tượng nộp thuế.

3.2.4.6. Đẩy mạnh cơ chế thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà nước cần ban hành quy định chặt chẽ để tất cả giao dịch thanh toán phải được thực hiện thông qua hệ thống ngân hàng; khi mọi thu nhập của cá nhân, tổ chức được thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thì CQT sẽ có điều kiện quản lý chặt chẽ và bao quát được tất cả các nguồn thu nhập làm cơ sở cho việc xác định nghĩa vụ thuế. Có như vậy mới có thể kiểm soát được TNCN, đạt được mục tiêu thu đúng, thu đủ thuế TNCN cho NSNN. Ngoài ra, việc sử dụng tài khoản ngân hàng để giao dịch còn mang lại những ưu điểm như hạn chế được lạm phát, hạn chế tiền giả, kích thích phát triển hệ thống ngân hàng hiện đại. Tiến tới Nhà nước có thể áp dụng phương pháp thu thuế TNCN thông qua hệ thống ngân hàng; Phối hợp với ngành Ngân hàng, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về thanh toán không dùng tiền mặt.

3.2.4.7. Phát triển hệ thống Đại lý thuế, tăng cường xã hội hóa công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Sự hỗ trợ của hệ thống đại lý thuế chuyên nghiệp đối với NNT là vô cùng cần thiết, vừa đảm bảo giúp NNT thực hiện các thủ tục khó khăn một cách chuyên nghiệp nhất, tạo môi trường cởi mở để NNT có cảm giác họ là khách hàng và được phục vụ chu đáo, giảm bớt gánh nặng cho công tác giải thích, hỗ trợ NNT của CQT vốn đang rất mỏng về số lượng và chưa thực quen với thói quen phục vụ NNT mà vẫn nặng về mệnh lệnh – phục tùng. Vậy nên, các đại lý thuế cần được tạo điều kiện để phát triển, nhưng vẫn phải nằm trong khuôn khổ kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Nhà nước.

3.2.4.8. Giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng cán bộ, công chức thuế

Con người là yếu tố quan trọng trong công tác quản lý thuế nói chung. Nâng cao năng lực và phẩm chất của các cán bộ thuế là điều cần thiết và sẽ mang lại nhiều tác động tích cực tới công tác quản lý thuế. Để công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thuế có hiệu quả cần thực hiện những biện pháp sau: Một là, cần phân loại trình độ cán bộ thuế để có kế hoạch đào tạo hợp lý; Hai là, nâng cao tỷ lệ tuyển dụng các ngạch công chức có trình độ đại học chuyên ngành, trình độ cao học chuyên ngành khi đi thi tuyển đầu vào; Ba là, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về kiến thức thuế; Bốn là, tổ chức các cuộc thi cán bộ thuế giỏi, các cuộc hội thảo trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý, xử lý các trường hợp xảy ra trong thực tế; Năm là, đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc, nhằm nâng cao tính năng động, sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ, tăng cường cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho bộ phận thanh tra, kiểm tra.

Ngoài ra, việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức cán bộ thuế, đây là công việc rất quan trọng bởi do đặc thù của ngành thuế thường xuyên tiếp xúc với các đối tượng nộp thuế, giải quyết các vấn đề liên quan tới lợi ích kinh tế giữa các đối tượng nộp thuế với Nhà nước.

3.2.4.9. Củng cố bộ máy quản lý hoàn thuế thu nhập cá nhân theo mô hình tập trung

Đề xây dựng được hệ thống quản lý thuế có hiệu lực, hiệu quả, cần phân bổ nguồn lực hợp lý giữa các bộ phận chức năng, cơ cấu lại nguồn nhân lực phù hợp; Kiện toàn lại tổ chức các CQT, thu gọn đầu mối quản lý đảm bảo thống nhất trong toàn ngành, xây dựng lực lượng đủ mạnh để thực thi nhiệm vụ; Tăng cường công tác chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong ngành thuế, cùng với đó xây dựng môi trường làm việc, điều kiện làm việc để cán bộ yên tâm công tác, phát huy hết năng lực trong thực thi công vụ.

3.2.4.10. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật hoàn thuế TNCN tại tỉnh Thừa Thiên Huế như phổ biến tình trạng NNT xác định không đúng kỳ tính thuế, việc thực hiện đăng ký thuế TNCN còn chưa đồng bộ, hạn chế nguồn nhân lực thanh, kiểm tra, công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa đáp ứng hiệu quả, đề xuất cần được giải quyết kịp thời bằng cách phối hợp thực hiện một số biện pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Tiếp tục duy trì và phát huy tối đa hiệu quả tuyên truyền qua Trang thông tin điện tử của ngành, của tỉnh, nâng cao chất lượng tin bài, xây dựng các diễn đàn trên mạng để mọi người dân có thể thường xuyên trao đổi kinh nghiệm và dễ dàng đưa ra những thắc mắc của mình đối với các cơ quan chức năng trong tỉnh. Phối hợp với cơ quan truyền hình, truyền thanh, báo chí trong việc tuyên truyền phổ biến các chính sách thuế TNCN, vì đây là kênh thông tin thu hút rất nhiều lượng người xem và quan tâm. CQT cần khai thác thế mạnh này để truyền bá sâu rộng những thông tin về chính sách thuế để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Cùng với đó, cần tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật NNT, đồng thời thực hiện kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của bộ phận “một cửa” tại các CQT, qua đó chấn chỉnh kịp thời những sai sót, đồng thời phát hiện những thủ tục rườm rà (nếu có) để kiến nghị với CQT cấp trên sửa đổi, bổ sung nhằm tạo thuận lợi cho NNT và nâng cao hiệu quả công tác.

- Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, công chức thuế

Tập trung đào tạo kỹ năng cho cán bộ, công chức thuế, tăng cường đào tạo cán bộ tại chỗ, đào tạo theo hướng cầm tay chỉ việc. Nghiên cứu triển khai mô hình thảo luận, trao đổi các nội dung công việc chuyên môn, kinh nghiệm công tác, kinh nghiệm công tác, kinh nghiệm xử lý trong các đơn vị từ đó tổng kết nhân rộng ra toàn Cục thuế. Xây dựng phương án để tiến hành kiểm tra kiến thức cán bộ công chức hàng năm.

Đào tạo nâng cao trình độ sử dụng ứng dụng công nghệ và khai thác thông tin trên mạng cho đội ngũ cán bộ thuế, đảm bảo sử dụng thành thạo ứng dụng vào công tác nghiệp vụ, làm việc trên môi trường mạng. Chú trọng công tác đào

tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống thông tin về NNT.

Ngoài ra, nội dung đào tạo và bồi dưỡng phải đảm bảo trang bị đầy đủ kiến thức chủ yếu như các chính sách kinh tế, tài chính và luật pháp liên quan đến thuế, phân tích dự báo thuế, yêu cầu và lộ trình hội nhập thuế quốc tế, kế toán doanh nghiệp, kiến thức quản lý thuế bằng máy tính, kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, phương pháp thanh tra, kiểm tra thuế,...

- Đảm bảo hiệu quả công tác phối hợp trong quá trình thực hiện

Việc tăng cường phối hợp giữa các phòng ban trong nội bộ CQT cũng như giữa CQT với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt trong việc cung cấp thông tin cần thiết cho việc kiểm soát thu nhập và giảm trừ gia cảnh, nâng cao vai trò và thẩm quyền của CQT trong việc thanh kiểm tra, cưỡng chế thuế là biện pháp hết sức quan trọng để đảm bảo công tác quản lý thuế và cưỡng chế thuế được thực thi một cách đồng bộ và hiệu quả. Để thuận tiện trong quá trình giải quyết hồ sơ, và tạo điều kiện thuận lợi cho NNT, cũng là để nắm bắt thông tin một cách toàn diện và đầy đủ, thì các bộ phận trong CQT như bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận nhập dữ liệu, bộ phận xử lý thông tin, bộ phận thu nợ,... cần phải có sự phối hợp một cách nhịp nhàng, kết hợp ăn ý, có sự đối chiếu theo đúng qui trình, có trách nhiệm với phần công việc của mình, không để xảy ra tình trạng một khâu giải quyết hồ sơ không được giải quyết hay chịu trách nhiệm kịp thời vì cho rằng đó không thuộc trách nhiệm và thẩm quyền.

Kết luận Chương 3

Qua đi sâu luận giải và phân tích cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN ở Chương 1 và Chương 2, tại Chương 3, luận văn đã đưa ra những định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề này.

Đối chiếu, nương dẫn vào định hướng, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN được đưa ra tương ứng với từng nhóm thực trạng, thực tiễn, nhằm khắc phục toàn diện nhất có thể mọi mặt của vấn đề, tạo sự xuyên suốt, thống nhất trong toàn luận văn.

Định hướng và giải pháp đưa ra nhằm tiến tới mục tiêu: đảm bảo hệ thống quy định pháp luật khả thi, hiệu quả, phát huy tối ưu vai trò cần có của mình; tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hoàn thuế, đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa hệ thống thuế, góp phần hoàn đúng, hoàn đủ số tiền thuế TNCN của NNT, chống thất thu NSNN.

PHẦN KẾT LUẬN

Cùng với việc thuế TNCN là loại thuế trực thu tác động đến lượng lớn người dân, đồng thời đóng góp quan trọng vào nguồn thu NSNN, công tác quản lý có những phức tạp và độ nhạy cảm nhất định. Pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN vì thế vừa đòi hỏi hoàn thiện, đồng bộ về các quy định liên quan vừa yêu cầu cao về hiệu quả thực thi trên thực tế, mục đích bảo toàn nguồn thu NSNN nhưng đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp của NNT một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

Pháp luật quản lý hoàn thuế TNCN đặt trong tiến trình cải cách hệ thống thuế quốc gia, tình hình kinh tế - xã hội trong nước và hội nhập quốc tế, trải dài suốt tiến trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung, bên cạnh rất nhiều kết quả đạt được, còn tồn tại những bất cập, hạn chế cần được định hướng giải pháp khắc phục.

Từ những nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng quy định pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN, luận văn đã hệ thống hóa, luận giải, phân tích các vấn đề liên quan, từ đó có những đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý hoàn thuế TNCN.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản quy phạm pháp luật

[1] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), Luật số 78/2006/QH11, Luật Quản lý thuế, ban hành ngày 29/11/2006.

[2] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), Luật số 04/2007/QH12, Luật Thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 21/11/2007.

[3] Văn phòng Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật số 15/VBHN-VPQH, hợp nhất Luật Thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 11/12/2014.

[4] Văn phòng Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), Luật số 03/VBHN-VPQH, hợp nhất Luật Quản lý thuế, ban hành ngày 28/4/2016.

[5] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Luật số 38/2019/QH14, Luật quản lý thuế, ban hành ngày 13/6/2019.

[6] Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 02/6/2020.

[7] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Nghị định số 65/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 27/6/2013.

[8] Bộ Tài chính (2019), Thông tư số 68/VBHN-BTC hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân, ban hành ngày 19/12/2019.

[9] Bộ Tài chính (2020), Thông tư số 105/2020/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký thuế, ban hành ngày 03/12/2020.

[10] Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 95/2016/TT-BTC hướng dẫn về đăng ký thuế, ban hành ngày 28/6/2016.

II. Tài liệu tham khảo khác

[1] Nguyễn Lâm (2007), Từ điển từ và ngữ Hán - Việt, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

[2] Nguyễn Ngọc Diệp (1999), 1200 thuật ngữ pháp lý Việt Nam, Nxb TP Hồ Chí Minh.

[3] Trần Minh Đức (2012), Nguyên tắc công bằng trong pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

[4] Lý Phương Duyên (2010), *Quản lý thuế thu nhập cá nhân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng, Học viện Tài chính.

[5] Nguyễn Hải Ninh (2016), *Kiểm soát thu nhập của người nộp thuế trong quá trình thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật kinh tế, Đại học Luật Hà Nội.

[6] Nguyễn Thị Mai Dung (2018), *Luận án Hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

[7] Nguyễn Thị Thu (2016), *Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân từ thực tiễn tỉnh Thái Bình*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

[8] Phạm Thị Thu Hà (2016), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Đại Học Thái Nguyên.

[9] Nguyễn Thị Thương Huyền (2008), "*Luật quản lý thuế và những vấn đề cần bàn thêm*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 19.

[10] Bùi Việt Hùng (2016), "*Tiếp tục cải cách hành chính thuế: Phần đầu đạt mức ASEAN-4 đối với 3 nhóm chỉ tiêu mới*", Tạp chí Thuế Nhà nước, số 8.

[11] Cao Anh Tuấn (2016), "*Những điểm mới của luật sửa đổi, bổ sung luật quản lý thuế*", Tạp chí Tài chính, số 1.

[12] Ánh Hồng (2021), "*Những chuyện mới cần biết về quyết toán thuế thu nhập cá nhân 2020*", <https://tuoitre.vn/nhung-chuyen-moi-can-biet-ve-quyet-toan-thue-thu-nhap-ca-nhan-2020-2021031723393836.htm>, ngày đăng 18/03/2021.

[13] TS. Nguyễn Văn Tuyền, ThS. Trần Anh Tuấn (2020), "*Cơ sở lý thuyết, thực trạng và một số đề xuất hoàn thiện chế định hoàn thuế*", Tạp chí Tài chính Kỳ 1 - Tháng 7/2020.

[14] Tổng cục Thuế (2011), Quyết định số 732/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 -2020, ban hành ngày 17/5/2011.

[15] Tổng cục Thuế (2011), Quyết định số 905/QĐ-TCT ban hành quy trình hoàn thuế, ban hành ngày 01/7/2011.

[16] Tổng cục Thuế (2017), "*Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2016, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2017*".

[17] Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế (2018), "*Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2018; Nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2019*"

[18] Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế (2019), "*Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2019; Nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2020*".

[19] Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế (2020), "*Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2020; Nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2021*".

[20] Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế (2020), “*Báo cáo Công tác cải cách hành chính Quý IV năm 2020*”.

[21] Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế (2020), “*Báo cáo tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện công tác trên lĩnh vực pháp chế, tư pháp năm 2020*”.